|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI CÁC TRƯỜNG CHUYÊN**  **VÙNG DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NCT**  **ĐỀ ĐỀ NGHỊ** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **LẦN THỨ XIV- NĂM 2023**  **MÔN ĐỊA LÝ- KHỐI 11**  **Ngày thi: 14/07/2023**  **Thời gian làm bài: 180 phút.**  *(Đề có 7 câu gồm 2 trang)* |

**Câu I. (3 điểm)**

1. Tại sao vào mùa hạ ở bán cầu Bắc, tổng bức xạ ở cực cao hơn ở xích đạo, nhưng nhiệt độ không khí ở cực vẫn thấp?

2. Tại sao nói trong các nhân tố của môi trường, khí hậu là nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố của sinh vật trên Trái Đất. Đất và sinh vật có mối quan hệ mật thiết như thế nào?

**Câu II. (2 điểm)**

1. Trình bày cơ cấu ngành dịch vụ. Tại sao nói sự phát triển kinh tế của một quốc gia có liên quan chặt chẽ với sự tăng trưởng nhanh của khu vực dịch vụ?

2. Phân tích ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kĩ thuật tới việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

**Câu III. (3 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc tới khí hậu nước ta.

2. Giải thích tại sao tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc trưng cơ bản nhất của thiên nhiên Việt Nam?

**Câu IV. (3 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích tác động của cấu trúc địa hình Việt Nam đến sự phân hoá sông ngòi.

2. Chứng minh và giải thích tính đa dạng của sinh vật biển nước ta.

**Câu V. (3 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long. Vì sao Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay có tỉ lệ gia tăng cơ học âm?

2. Phân tích tác động của quá trình đô thị hóa đến nông nghiệp - nông thôn nước ta?

**Câu VI. (3 điểm)**

1. Nêu các giải pháp nhằm khắc phục tính mùa vụ của nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta. Giải pháp nào là quan trọng nhất? Tại sao?

2. Chứng minh ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

**Câu VII. (3 điểm)**

Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2001 - 2016

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích (nghìn ha) | | | | Sản lượng  (nghìn tấn) |
| Tổng | Lúa đông xuân | Lúa hè thu | Lúa mùa |
| 2001 | 7666,3 | 3013,2 | 2292,8 | 2360,3 | 32529,5 |
| 2005 | 7329,2 | 2942,1 | 2349,3 | 2037,8 | 35832,9 |
| 2010 | 7489,4 | 3085,9 | 2436,0 | 1967,5 | 39988,9 |
| 2016 | 7834,9 | 3112,4 | 2785,1 | 1937,4 | 45215,6 |

(Nguồn Niên giám thống kê 2016, Nhà xuất bản thống kê năm 2016)

Dựa vào bảng số liệu trên hãy nhận xét và giải thích về tình hình phát triển ngành trồng lúa của nước ta giai đoạn 2001 - 2016

-----------------------Hết-----------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI CÁC TRƯỜNG CHUYÊN**  **VÙNG DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NCT**  **ĐỀ ĐỀ NGHỊ** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **LẦN THỨ XIV- NĂM 2023**  **MÔN ĐỊA LÝ- KHỐI 11**  **Ngày thi: 14/07/2023**  **Thời gian làm bài: 180 phút.**  *(Đề có 7 câu gồm 2 trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu I.**  **(3,0 điểm)** | 1 | - Tổng bức xạ ở cực cao hơn xích đạo: do thời gian chiếu sáng ở cực dài hơn ở xích đạo  - Nhiệt độ ở cực vẫn thấp hơn xích đạo vì:  + Nhiệt độ không khí ngoài phụ thuộc vào:  Bức xạ Mặt Trời (được chi phối bởi góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng).  Tính chất bề mặt đệm (lục địa, đại dương, rừng, băng tuyết...)  + Ở xích đạo: do chủ yếu là biển, đại dương, rừng rậm nên không khí có nhiều hơi nước, hấp thụ nhiệt tốt hơn.  + Ở cực: do chủ yếu là băng tuyết nên phản hồi hầu hết lượng bức xạ Mặt Trời, phần còn lại rất nhỏ, chủ yếu dùng để làm tan băng tuyết nên nhiệt độ ở cực rất thấp. | 0,5  0,5  0,5 |
| **2** | - Khí hậu là nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố của sinh vật trên Trái Đất thông qua các yếu tố: nhiệt độ, độ ẩm không khí, nước, ánh sáng…  + Nhiệt độ: Mỗi loài sinh vật thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định. Các loài ưa nhiệt thường phân bố ở vùng nhiệt đới và xích đạo, trái lại các loài chịu lạnh thường phân bố ở vùng vĩ độ cao hay vùng núi cao  + Độ ẩm không khí, nước: Những nơi có điều kiện nhiệt ẩm cao như vùng xích đạo, nhiệt đới ẩm sẽ có nhiều sinh vật. Còn vùng hoang mạc khí hậu khắc nghiệt nên ít sinh vật.  + Ánh sáng quyết định đến quá trình quang hợp của cây xanh. Những cây ưa sáng thường sống và phát triển tốt ở nơi có đủ ánh sáng, Những cây chịu tố thường sống ở trong bóng râm dưới tán cây khác.  Các đặc tính lí, hóa và độ phì của đất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của thực vật.  + Đất đỏ vàng ở khu vực nhiệt đới ẩm và xích đạo, thường có tầng dày, độ ẩm cao, tính chất vật lý tốt nên nhiều loài sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.  - Đất ngập mặn ở các bãi triều ven biển nhiệt đới có các loài cây ưa mặn như đước, sú, vẹt…hình thành rừng ngập mặn.  Sinh vật đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất.  + Thực vật cung cấp xác vật chất hửu cơ cho đất, rể thực vật bám vào các khe nứt của đá làm phá hủy đá.  + Vi sinh vật phân giải chất hữu cơ và tổng hợp mùn.  + Động vật sống trong đất như kiến, mối, giun…cũng góp phần làm thay đổi một số tính chất của đất… | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu II.**  **(2,0 điểm)** | **1** | Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng  - Ở nhiều nước người ta chia thành 3 nhóm:  + Dịch vụ tiêu dùng (dẫn chứng).  + Dịch vụ kinh doanh (dẫn chứng).  + Dịch vụ công (dẫn chứng).  \* Sự phát triển kinh tế của 1 quốc gia có liên quan chặt chẽ tới tăng trưởng nhanh của dịch vụ:  - Sự phát triển kinh tế tác động đến tăng trưởng dịch vụ:  + Nâng cao năng suất lao động, tạo ra sự chuyển dịch lao động từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực dịch vụ.  + Kinh tế phát triển, mức sống của nhân dân sẽ tăng, quyết định sức mua, nhu cầu dịch vụ, làm nảy sinh các loại hình dịch vụ phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.  - Tăng trưởng của dịch vụ sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển.  + Dịch vụ có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và nguồn lao động.  + Dịch vụ tăng trưởng nhanh sẽ đóng góp nhiều vào GDP. | 0,5    0,5 |
| **2** | Tích cực  **-** Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên: Hiệu Suất cao, chất lượng tốt; Khai thác hợp lí và sử dụng càng nhiều thuộc tính của TN, tránh tình trạng lãng phí tài nguyên (d/c)  - Mở thêm danh mục tài nguyên thiên nhiên (d/c)  - Sản xuất các vật liệu mới thay thế vật liệu tự nhiên, giảm áp lực đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên (d/c)  Tiêu cực  - Làm gia tăng tốc độ suy giảm và cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên (d/c) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu III.**  **( 3,0 điểm)** | **1** | \* Khái quát gió tín phong BCB  - Nguồn gốc và hướng: từ dải áp cao chí tuyến bán cầu Bắc thổi về áp thấp xích đạo, hướng Đông Bắc. Tính chất: khô, nóng.  - Thời gian và phạm vi hoạt động: quanh năm, ở miền Bắc gió hoạt động rõ nhất vào thời kì chuyển tiếp mùa xuân, mùa thu. Hoạt động quanh năm ở miền Nam.  \* Ảnh hưởng:  - Làm cho tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được duy trì: ở miền Bắc, nền nhiệt được nâng lên mỗi khi gió mùa Đông Bắc suy yếu và gió Tín Phong hoạt động trở lại. Ở miền Nam có nền nhiệt cao quanh năm > 240C.  - Gió Tín phong kết hợp với địa hình tạo ra những kiểu thời tiết đặc trưng cho từng vùng: gây mưa lớn cho Bắc Trung Bộ vào thời kì thu đông; tạo thời tiết nắng nóng, khô cho Nam Bộ và nơi khuất gió ở Tây Nguyên.  - Làm tăng độ tương phản mưa khô của miền Nam sâu sắc hơn miền Bắc. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | - Đây là đặc điểm độc đáo để phân biệt thiên nhiên nước ta với các nước cùng vĩ độ (diễn giải)  - Đặc điểm này được biểu hiện rõ nét qua tất cả các thành phần tự nhiên (diễn giải)  - Đặc điểm này ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều hoạt động sản xuất và đời sống (dẫn chứng)  - Đây là đặc điểm tổng hợp nhất, bao hàm và chi phối nhiều khía cạnh của các đặc điểm còn lại… | 0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **Câu IV.**  **3,0 điểm)** | **1** | - Khái quát về cấu trúc địa hình nước ta => ảnh hưởng đến sông ngòi thông qua các nhân tố như hướng, độ dốc, đặc điểm hình thái.  - Tác động:  + Địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ nên sông ngòi phần lớn chảy qua địa hình miền núi.  + Địa hình nước ta là địa hình già được trẻ lại nên cùng một dòng sông có khúc chảy êm đềm, có khúc thác ghềnh sông đào lòng dữ đội...  + Địa hình có sự phân bậc, làm cho sông ngòi cũng có sự phân bậc, tạo thành nhiều thác ghềnh, làm cho tốc độ dòng chảy có sự khác nhau (dẫn chứng)  + Hướng nghiêng địa hình là TB - ĐN làm cho sông ngòi cũng nghiêng dần về TB - ĐN, sông chủ yếu đổ ra biển.  + Hướng núi gồm 2 hướng chính là TB - ĐN và vòng cung, làm cho sông ngòi cũng có hướng chính là TB - ĐN và hướng vòng cung (dẫn chứng) | 0,5  0,5 |
| **2** | **Chứng minh**  - Sinh vật biển đa dạng, phong phú, giàu thành phần loài, nhiều loài có giá trị kinh tế cao: hơn 2000 loài cá, (khoảng 100 loài có giá trị kinh tế, 1647 giáp xác (hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị kinh tế), 2500 nguyễn thể, hơn 600 loài rong biển.  - Nhiều loài quý hiếm, cần phải bảo vệ, có nhiều đặc sản khác nhau (d/c)  **Giải thích**  - Khí hậu nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, biển ấm quanh năm, nhiều ánh sáng, giàu ôxi, độ muối trung bình khoảng 30 - 33‰, thuận lợi cho sinh vật phát triển.  - Biển có độ sâu trung bình, vịnh biển nông, có dòng biển đổi hướng theo mùa.  - Một số đảo có các rạn đá, ven bờ có nhiều đảo và vụng, vịnh, là nơi cư trú của sinh vật biển, hình thành các bãi cho cá đẻ,… | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu V.**  **(3,0 điểm)** | **1** | Khái quát: ....  Nhận xét:  - Mật độ dân số trung bình khá cao 435 người/km2, nhưng phân bố không đều.  - Dân cư phân bố không đều, có sự phân hóa theo lãnh thổ:  + Giữa các khu vực có sự phân bố không đều:   * Dân cư tập trung đông đúc nhất ở trung tâm, vùng ven sông Tiền, sông Hậu 501 – 1000 người/km2. * Khu vực rìa đồng bằng như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, vùng trũng trung tâm bán đảo Cà Mau mật độ dân cư thưa thớt (hơn 101 – 200 người/km2).   + Giữa các tỉnh: các tỉnh ở trung tâm có mật độ dân số cao hơn các tỉnh ngoài rìa đồng bằng: Cần Thơ 835 người/km2, Cà Mau 243 người/km2. Ngay trong một tỉnh dân cư cũng có sự phân bố không đều: Kiên Giang dân cư tập trung đông ở khu vực trung tâm 2001 - 500 người/km2, vùng rìa phía đông mật độ dân cư giảm xuống chỉ còn khoảng từ 101 – 200 người/km2, vùng thưa thớt nhất là vùng rìa phía tây – thị xã Hà Tiên mật độ trung bình từ 50 - 100 người/km2 do đầm lầy.  + Giữa thành thị và nông thôn: dân cư phân bố chủ yếu ở nông thôn nhưng mật độ dân số thành thị cao hơn.  Giải thích:  - Mật độ dân số cao do điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự cư trú:  + Tự nhiên: địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu điều hòa.  + Kinh tế xã hội: đây là vùng trồng lúa nước, cần nhiều lao động...  - Dân cư phân bố không đều do sự phân bố dân cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố (tự nhiên, kinh tế xã hội). Khu vực trung tâm đông dân do đây là dải đất phù sa ngọt ven sông Tiền, sông Hậu rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nền kinh tế phát triển, tập trung mạng lưới đô thị. Khu vực rìa thưa dân vì đây là vùng đất phèn, đất mặn, đầm lầy, nhiều rừng  - Đây là vùng sản xuất lương thực trọng điểm số một cả nước, hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính, cần nhiều lao động. Quá trình đô thị hóa chậm.  Do lao động trẻ xuất cư ra khỏi vùng để:  - Tìm kiếm việc làm nguyên nhân xuất phát từ việc thiếu việc làm.  - Là vùng là thấp nhất cả nước về các nhà máy, ít có những doanh nghiệp lớn có thể giải quyết việc làm.  - Phần đông người xuất cư là người dân nông thôn, nguyên nhân do khu vực nông thôn với nhiệm vụ sản xuất nhưng lại chưa được tái đầu tư để người dân được hưởng lợi nên họ đi nơi khác tìm cuộc sống mới.  - Tốc độ đô thị hóa của vùng hiện nay thấp nhất cả nước, điều kiện sống không tốt bằng những vùng khác.  - Các tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, xây đập thủy điện từ thượng nguồn đến hoạt động sản xuất, chất lượng cuộc sống và môi trường. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | Tích cực:  + Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp.  + Đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, chất lượng cao.  Tiêu cực:  + Tình trạng mất đất nông nghiệp cho đất chuyên dùng và đất thổ cư đã làm thu hẹp diện tích đất đai canh tác nông nghiệp.  + Ô nhiễm môi trường do hoạt động của các ngành nghề phi nông nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình canh tác sản xuất nông nghiệp. | 0,5  0,5  0,5 |
| **Câu VI.**  **(3,0 điểm)** | **1** | - Tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.  - Đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.  \* Giải pháp quan trọng nhất là: Tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.  - Vì: nông sản hàng hóa khi vào vụ thu hoạch có khối lượng sản phẩm lớn, tập trung trong một thời gian ngắn, cần tiêu thụ nhanh….  ***Giải thích tại sao sản xuất nông nghiệp nước ta ngày càng có tính tập trung.***  - Tiến lên sản xuất hàng hoá cần khối lượng sản phẩm lớn và gắn với công nghiệp chế biến để tăng giá trị nên tập trung  - Điều kiện tập trung thuận lợi: Cơ sở vật chất kĩ thuật, hạ tầng, tiến bộ khoa học công nghệ,…  - Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng… | 0,5  0,5  0,5 |
| **2** | - Khái quát đặc điểm của sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp  - Tỉ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp trong giá trị sản xuất ngành trồng trọt tăng (dẫn chứng).  - Tổng diện tích cây công nghiệp ngày càng tăng (dẫn chứng)  - Cơ cấu  + Đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp nhiều vùng sinh thái nông nghiệp…  + Chuyển dịch cơ cấu cây công nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng nhóm cây mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn (tỉ trọng diện tích cây CN lâu năm tăng).  - Đã hình thành các hình thức sản xuất có quy mô lớn và mang tính chuyên môn hóa rõ rệt như các vùng chuyên canh (dẫn chứng), trang trại trồng cây công nghiệp…  - Phát triển một số loại cây có giá trị xuất khẩu cao như cà phê, cao su, điều… (dẫn chứng diện tích, sản lượng). | 0,75  0,75 |
| **Câu VII.**  **(3 điểm)** | **1** | ***a. Nhận xét:***  Từ năm 2001 - 2016 ngành trồng lúa đã đạt được nhiều thành tựu:  - Diện tích lúa:  + Tổng diện tích lúa có xu hướng tăng lên nhưng chậm và chưa ổn định (d/c)  + Tốc độ tăng diện tích lúa các vụ có sự khác nhau   * Diện tích lúa đông xuân có xu hướng tăng nhanh nhưng còn biến động (d/c) * Diện tích lúa hè thu tăng nhanh và tăng liên tục (d/c) * Diện tích lúa mùa giảm nhanh (d/c)   - Cơ cấu mùa vụ đang có sự thay đổi tích cực theo hướng giảm tỉ trọng diện tích lúa mùa, tăng tỉ trọng diện tích lúa đông xuân và hè thu. (d/c)  - Năng suất lúa: tăng nhanh và tăng liên tục (d/c)  - Sản lượng lúa tăng nhanh và tăng liên tục (d/c)  ***b. Giải thích:***  - Diện tích lúa tăng do việc khai hoang, cải tạo đất phèn đất mặn ở đồng bằng sông Cửu Long để trồng lúa. Nhưng tăng chậm và không ổn định do khả năng mở rộng diện tích lúa ở đồng bằng hạn chế, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hiệu quả kinh tế của cây lúa chưa cao…  - Diện tích lúa đông xuân, hè thu tăng nhanh và tỉ trọng cũng có xu hướng tăng lên do năng suất cao, ổn định  - Diện tích lúa mùa giảm do năng xuất thấp, chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh.  - Năng suất lúa tăng nhanh do áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật…  - Sản lượng lúa tăng nhanh chủ yếu do tăng năng suất lúa.  (dẫn chứng). | 1,0  1,0  1,0 |